

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH NAM ĐỊNH NHẪM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW

TS. VŨ QUỐC ĐẠT
TP. Quản lý Khoa học

Mở đầu

Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (gọi tắt là Nghị quyết 57-NQ/TW). Nghị quyết đã xác định: “*Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới*”.

Thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 54-CTr/TU, ngày 20/02/2025; UBND ban hành Kế hoạch số 29/UBND-KH ngày 21/2/2025 Thực hiện Chương trình hành động số 54-CTr/TU, ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Để thực hiện tốt các nội dung này, một số vấn đề phát triển khoa học, công nghệ,

đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW tại tỉnh Nam Định cần quan tâm đột phá gồm:

Một là, Hoàn thiện thể chế, tạo lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Thường xuyên thực hiện rà soát để kịp thời phát hiện và tháo gỡ điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc về thể chế trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và có độ trễ; rà soát các quy định không còn phù hợp, chồng chéo hoặc thiếu đồng bộ để kiến nghị sửa đổi, bổ sung và tham gia góp ý hoàn thiện các hồ sơ sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan. Đặc biệt, chú trọng hoàn thiện các quy định về thủ tục hành chính trên môi trường số, bảo đảm tính liên thông và thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp.

- Nghiên cứu thành lập và sử dụng các Quỹ cho khoa học công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số. Xây dựng cơ chế khoán tài chính của tỉnh trong thực hiện nhiệm

vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính trong quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển đổi số. Xây dựng cơ chế giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ cho các đơn vị chủ trì thực hiện; có chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ gắn với cơ chế chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng.

- Ưu tiên thực hiện các mô hình ứng dụng công nghệ số, thí điểm ứng dụng công nghệ chuyển đổi số mới; tổng kết, đánh giá để có thể tiến hành nhân rộng mô hình thực sự hiệu quả.

- Triển khai các quy định về hoạt động trên môi trường số; các quy định về giao dịch điện tử, chữ ký số, thanh toán điện tử, thương mại điện tử và các hoạt động khác trên môi trường số để sửa đổi, bổ sung kịp thời, thống nhất. Đặc biệt chú trọng các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo mật thông tin kinh doanh, an toàn thông tin và quyền riêng tư của người dân khi tham gia môi trường số. Các dự án đầu tư công nghệ thông tin và chuyển đổi số yêu cầu phải áp dụng các quy định, chế độ về an toàn, an ninh mạng.

- Lập danh mục các chương trình, lĩnh vực ứng dụng đột phá các ngành về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm sử dụng hiệu quả

mọi nguồn lực đầu tư, đặc biệt là nguồn đầu tư dẫn dắt từ ngân sách nhà nước.

- Rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ để phù hợp xử lý trên môi trường điện tử; thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử thay thế các giấy tờ giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính; cắt giảm các thủ tục, thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa.

Hai là, Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Xây dựng và phát triển hạ tầng số hiện đại của tỉnh. Trong đó, cần hoàn thành đầu tư nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đảm bảo hiện đại, đồng bộ, bền vững, phát triển hạ tầng điện toán đám mây đạt chuẩn quốc tế.

- Triển khai tích hợp công nghệ số vào hạ tầng đô thị, trước hết là thành phố Nam Định. Lắp đặt hệ thống cảm biến và ứng dụng các giải pháp công nghệ số trong quản lý, vận hành hạ tầng giao thông, điện, nước, chiếu sáng và các tiện ích đô thị khác. Kết nối, chia sẻ dữ liệu để hình thành hạ tầng số đồng bộ phục vụ xây dựng đô thị thông minh.

- Triển khai ứng dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của các ngành, lĩnh vực bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.



Ảnh: ST

Ba là, Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tập trung triển khai kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh và Chương trình hành động số 45-KH/TU ngày 31/1/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 45- NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt;

Ưu tiên phát triển nhân lực công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, nhân lực phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

- Xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài, đặc biệt là chính sách đối với sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, công nghệ then chốt và chuyển đổi số. Xây dựng các chính sách ưu tiên, đột phá, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để thu hút, tuyển dụng các nhà khoa học, các chuyên gia giỏi tham gia phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

- Tổ chức các chương trình đào tạo,

tập huấn về thu thập, phân tích xử lý dữ liệu, an toàn thông tin, quản trị hệ thống. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ về tham mưu chính sách và triển khai chuyển đổi số tại các ngành, địa phương.

- Triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp. Phổ cập kỹ năng số cơ bản cho mạng lưới Tổ công nghệ số cộng đồng để phổ cập kỹ năng số cơ bản. Hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo nhân lực chuyển đổi số, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Bốn là, Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Xây dựng, triển khai các giải pháp và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ, số hóa quy trình, ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, kinh doanh, xây dựng thương hiệu sản phẩm. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các nền tảng số dùng chung của tỉnh và quốc gia.

Xây dựng một số chương trình KH&CN, trong đó có tính đến đầu tư kinh phí tập trung để thực hiện các chương trình này như: Chương trình chuyển đổi số; Chương trình phát triển

ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử, bán dẫn; Chương trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực, địa phương, gắn với công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực bảo đảm theo hướng đi tắt, đón đầu,...ưu tiên triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện.

- Triển khai chuyển đổi số trong các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh. Tập trung vào các lĩnh vực có tiềm năng lớn như: nông nghiệp, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, du lịch, logistics và công nghiệp chế biến. Xây dựng các mô hình kinh tế số điển hình trong từng ngành để nhân rộng.

- Phát triển mạnh thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website thương mại điện tử, tham gia các sàn giao dịch trực tuyến. Hoàn thiện hạ tầng thanh toán điện tử và logistics để thúc đẩy thương mại điện tử phát triển.

Kết luận

Với một số nội dung đột phá và đồng bộ, hy vọng rằng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh phát triển hiệu quả, bền vững, góp phần đưa tỉnh Nam Định là một trong các trung tâm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của khu vực đồng bằng sông Hồng./.

NĂNG SUẤT XANH

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHO DOANH NGHIỆP TỈNH NAM ĐỊNH

✎ ThS. ĐÀO VIỆT HÀ

Chi cục trưởng Chi cục TĐC

✎ KS. ĐOÀN SỸ HOÀN

Phòng QL Tiêu chuẩn chất lượng (Chi cục TĐC)

Năng suất xanh (Green Productivity - GP) là một phương pháp quản lý kết hợp giữa nâng cao năng suất với bảo vệ môi trường nhằm đạt được sự phát triển bền vững; bao gồm các giải pháp như cải tiến công nghệ, tối ưu hóa quy trình sản xuất, sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm thiểu chất thải, nhằm đạt được sự phát triển kinh tế song song với bảo vệ môi trường.

Lợi ích của việc áp dụng năng suất xanh

Tại hội nghị COP26, Việt Nam đã cam kết đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, giảm 30% lượng phát thải khí metan gây hiệu ứng khí nhà kính vào năm 2030 so với năm 2020. Để hiện thực hóa các mục tiêu này, Chính phủ và địa phương tỉnh Nam Định đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các chính sách hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng năng suất xanh nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý:

(1) Luật bảo vệ môi trường.

(2) Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ôzôn.

(3) Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 của Thủ tướng chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030.

(4) Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

(5) Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030.

(6) Nghị quyết số 77/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND tỉnh quy định



Lợi ích của việc áp dụng năng suất xanh

một số chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định.

(7) Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Nam Định đến 2030.

Cùng với xu hướng của nhiều doanh nghiệp trên thế giới về chuyển đổi xanh, sản xuất xanh; một số doanh nghiệp Việt Nam đã áp dụng năng suất xanh đạt được nhiều lợi ích khi loại bỏ các lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiết kiệm chi phí sản xuất và vận hành, tạo ra sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường, xây dựng hình ảnh, giá trị doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội (Công ty cổ phần phân bón Lam Sơn chú trọng đầu tư vào công nghệ và hệ thống quản lý chất lượng mới; Công ty cổ phần đường

Quảng Ngãi sử dụng các công cụ quản lý quốc tế như 5S, MFCA, và Lean Six Sigma; Công ty Vinamilk áp dụng công nghệ tiên tiến, sử dụng năng lượng tái tạo và bao bì phát thải thấp).

Để chuyển đổi áp dụng năng suất xanh, doanh nghiệp có thể sử dụng một hoặc một số công cụ, giải pháp để tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm lãng phí và bảo vệ môi trường:

1. Giải pháp quản lý

- Tổ chức đào tạo nâng cao nhận thức cho nhân viên hiểu vai trò của năng suất xanh và khen thưởng cá nhân, tập thể có ý tưởng vào cải tiến nâng cao năng suất chất lượng, bảo vệ môi trường.

- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng:

+ Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định, đáp ứng yêu cầu khách hàng và nâng cao hiệu quả hoạt động.

+ Hệ thống quản lý năng lượng TCVN

ISO 50001:2019 giúp thiết lập các hệ thống và quá trình cần thiết để cải tiến hiệu suất năng lượng, bao gồm việc sử dụng, tiêu thụ và hiệu quả năng lượng.

+ Hệ thống quản lý môi trường TCVN ISO 14001:2015 giúp doanh nghiệp tuân thủ các quy định pháp luật và đạt được các mục tiêu môi trường.

+ Hạch toán chi phí dòng nguyên liệu TCVN ISO 14051:2013 giúp sử dụng năng lượng và nguyên vật liệu hiệu quả, giảm chi phí và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- Định kỳ kiểm tra, đánh giá và tối ưu hóa việc sử dụng nguyên liệu, năng lượng.

2. Giải pháp công nghệ

- Thay thế máy móc cũ bằng các thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải và tận dụng nguyên liệu hiệu quả.

- Sử dụng công cụ cải tiến năng suất giúp doanh nghiệp đạt được hiệu quả tối ưu, đảm bảo vừa cải tiến quy trình, nâng cao chất lượng, vừa tạo động lực cải tiến liên tục cho toàn bộ doanh nghiệp:

+ Phương pháp quản lý tinh gọn Lean giúp loại bỏ những lãng phí trong quá trình sản xuất.

+ Phương pháp Kaizen dựa trên sự cải tiến liên tục giúp giảm lãng phí, nâng cao chất lượng và tạo giá trị lâu dài cho khách hàng.

+ Phương pháp Six Sigma giúp giảm sai lỗi, giảm chi phí, tăng sự hài lòng của khách hàng và bảo đảm giao hàng đúng hạn, đồng thời là cơ sở quan trọng để nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Thu gom, phân loại, tái sử dụng chất

thải làm nguyên liệu đầu vào cho công đoạn khác.

- Sử dụng nguồn năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh học...), giảm sử dụng nguồn năng lượng hóa thạch (than đá, dầu mỏ...).

- Thu gom, xử lý và tái sử dụng nước thải.

3. Giải pháp kỹ thuật

- Thay thế, sử dụng nguyên liệu thân thiện môi trường, dễ tái chế.

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo thiết bị, máy móc hoạt động hiệu quả, giảm tiêu hao năng lượng và nguyên liệu.

- Quản lý và tái chế rác thải giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường và hạn chế tối đa rác thải rắn, rác thải nhựa ra môi trường.

Tuỳ theo ngành nghề sản xuất, mỗi doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch chuyển đổi xanh theo các bước:

Bước 1: Thành lập Ban thực hiện năng suất xanh; khảo sát thực trạng và thu thập thông tin.

Bước 2: Phân tích dữ liệu, xác định vấn đề; thiết lập mục tiêu, chỉ tiêu.

Bước 3: Đánh giá, lựa chọn giải pháp GP; lập kế hoạch thực hiện.

Bước 4: Áp dụng các giải pháp GP; đào tạo nhận thức về GP cho toàn bộ lãnh đạo, nhân viên trong doanh nghiệp.

Bước 5: Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; xem xét, thay đổi giải pháp nếu chưa phù hợp.

Bước 6: Duy trì giải pháp GP và thường xuyên đánh giá, tìm kiếm giải pháp mới./.

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TRONG GIAI ĐOẠN TIẾP THEO CHO CÁC STARTUP NAM ĐỊNH

✍️ ThS. ĐỖ THỊ THỦY

Phó TP Công nghệ và Bưu chính, Viễn Thông

Cùng với các địa phương trên cả nước, Nam Định cũng đã và đang triển khai các hoạt động nhằm thúc đẩy phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của địa phương theo Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 20/12/2022 của UBND Tỉnh về Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Nam Định giai đoạn 2022-2025, định hướng

đến năm 2030.

Năm 2024, việc tổ chức thành công cuộc thi “Tìm kiếm tài năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Thành Nam 2024” đã góp phần tạo nên một nguồn Startup đa dạng, trải rộng trên nhiều lĩnh vực thế mạnh của tỉnh. Cuộc thi thu hút hơn 70 ý tưởng/dự án khởi nghiệp sáng tạo đăng ký tham gia, thuộc nhiều lĩnh vực như



Dự án “Bún hải sản ăn liền Biển Đông” đạt Giải nhất tại Cuộc thi



Dự án “Phát triển nghề lên men thủ công từ làng cổ Bách Cốc” đạt Giải nhì tại Cuộc thi

nông nghiệp, công nghiệp, công nghệ, y tế - giáo dục, du lịch, tài chính...

Top 10 ý tưởng/dự án khởi nghiệp sáng tạo được trao giải gồm: Giải nhất “Bún hải sản ăn liền Biển Đông”; Giải nhì “Phát triển nghề lên men thủ công từ làng cổ Bách Cốc” và “Hệ thống trung tâm công nghệ cao thế giới STEAM VTG”; Giải ba “Bộ sản phẩm rời nước phục vụ giáo dục và biểu diễn nghệ thuật trong nhà trường”, “Codemath - Website & App học và luyện thi toán quốc tế tiểu học”, “Nuôi cấy đông trùng hạ thảo ký chủ tằm xuất khẩu sang Trung Quốc”; Giải khuyến khích: “Bộ sạc và bộ trợ sạc thông minh – SEC”, “Sản xuất lò đốt khí hoá sinh khối lấy nhiệt để sấy và tạo

than sinh học”, “Nam Định Discover - Ứng dụng hệ thống thông tin không gian trực tuyến hỗ trợ thương mại văn hoá - du lịch tỉnh Nam Định”, “Tủ quần áo tránh nạn”.

Thành công bước đầu với nguồn Startup đa dạng đã tạo tiền đề vững chắc cho việc phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Nam Định trong giai đoạn tiếp theo. Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận những khó khăn thực tế đó là, trong Top 10 của Cuộc thi, hiện chỉ có 03 dự án đã thương mại hóa sản phẩm (Phát triển nghề lên men thủ công từ làng cổ Bách Cốc, Codemath - Website & App học và luyện thi toán quốc tế tiểu học; Nuôi cấy đông trùng hạ thảo ký chủ tằm

xuất khẩu sang Trung Quốc), các dự án còn lại đang dừng ở giai đoạn ý tưởng, mô hình thử nghiệm hoặc sản phẩm mẫu, chưa thể tiếp cận thị trường một cách hiệu quả. Ngoài ra, từ thực tế triển khai hỗ trợ cho các Startup có thể thấy hiện tại họ đang gặp nhiều khó khăn thách thức: Thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm thương mại hóa sản phẩm, hạn chế về kết nối với các quỹ đầu tư và thị trường và đặc biệt rất cần cơ chế chính sách hỗ trợ để có thể duy trì và phát triển.

Ngày 20/2/2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 54-CTr/TU thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Ngày 21/02/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định đã ban hành Kế hoạch số 29/KH-UBND thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Theo đó, định hướng và mục tiêu chiến lược trong giai đoạn tiếp theo đó là nâng cao tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, số lượng doanh nghiệp có hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp.

Một trong những nhiệm vụ được đề ra trong Kế hoạch số 29/KH-UBND của

UBND tỉnh đó là “*Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp*” với các nội dung liên quan đến đổi mới sáng tạo như: Xây dựng, triển khai các giải pháp và cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Hỗ trợ phát triển các chương trình, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo như: Tiếp tục tổ chức cuộc thi về tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, từ đó hỗ trợ bồi dưỡng các ý tưởng đạt giải cao, các ý tưởng mang tính sáng tạo và có tính đột phá; tư vấn, hỗ trợ việc đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ...

Với những nhiệm vụ như trên, dựa trên thực trạng hiện nay, các định hướng và giải pháp để hỗ trợ Startup tại Nam Định trong giai đoạn tiếp theo bao gồm:

1. Tiếp tục đào tạo, hỗ trợ, tư vấn và cố vấn khởi nghiệp thông qua các chương trình huấn luyện, ương tạo, kết nối startup với các cố vấn, chuyên gia trong các lĩnh vực phù hợp để hỗ trợ Startup cải tiến phát triển sản phẩm, hoàn thiện mô hình kinh doanh, đổi mới và ứng dụng công nghệ vào sản xuất. Tư vấn định hướng cho các Startup phát triển theo các thế mạnh của tỉnh để có thể khai thác tiềm năng và mang lại hiệu quả tốt nhất;

2. Hỗ trợ các Startup đăng ký sở hữu trí tuệ, chứng nhận chất lượng để Startup

dễ dàng tiếp cận thị trường và bảo vệ sản phẩm của mình thông qua các hội thảo, tập huấn, hỗ trợ chi phí đăng ký nhãn hiệu, bảo hộ sản phẩm...;

3. Hỗ trợ truyền thông, quảng bá cho các Startup trên các kênh truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các kênh truyền thông chính thức của tỉnh như: Đăng tải các bài viết giới thiệu và liên tục cập nhật thông tin về các Startup Nam Định trên Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Nam Định; xây dựng các chương trình phát sóng định kỳ trên Đài PTTH Nam Định giới thiệu các Startup tiêu biểu của tỉnh;

4. Tổ chức các sự kiện, hội thảo chuyên đề, các chương trình cà phê khởi nghiệp, hội nghị kết nối đầu tư với các khách mời là các chuyên gia khởi nghiệp, các nhà đầu tư, các doanh nhân thành công để giúp các Startup học hỏi, kết nối với các chuyên gia, cố vấn, hợp tác với các doanh nghiệp lớn tạo cơ hội thử nghiệm sản phẩm, tiếp cận thị trường hình thành cộng đồng khởi nghiệp tại Nam Định;

5. Tập trung các giải pháp để hỗ trợ tài chính và đầu tư cho các Startup: Tổ chức các chương trình kêu gọi vốn đầu tư với sự tham gia của các Startup với các nhà đầu tư; đề xuất các chương trình hỗ trợ vay vốn ưu đãi cho các Startup; hỗ trợ thông qua các dự án sản xuất thử nghiệm quy mô nhỏ sử dụng ngân sách nhà nước;

6. Tiếp tục khai thác các điểm hỗ trợ

khởi nghiệp, đề xuất hình thành không gian làm việc chung cho startup thông qua các hoạt động: Nâng cấp và mở rộng 02 điểm hỗ trợ khởi nghiệp hiện có; đề xuất thành lập các khu không gian làm việc chung (coworking space) dành cho startup với đầy đủ tiện ích: văn phòng làm việc, khu nghiên cứu phát triển sản phẩm, khu thử nghiệm, không gian sự kiện, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ đi kèm: tư vấn pháp lý, kế toán, cố vấn khởi nghiệp, hỗ trợ gọi vốn; hỗ trợ tài chính cho startup sử dụng không gian làm việc chung...

Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Nam Định đang bước vào giai đoạn phát triển quan trọng, với tiềm năng lớn từ các Startup địa phương, việc triển khai các giải pháp đồng bộ về đào tạo, cố vấn, kết nối đầu tư và hỗ trợ tài chính sẽ giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp chuyển hóa ý tưởng thành sản phẩm thực tiễn, đóng góp tích cực vào nền kinh tế - xã hội của tỉnh. Đặc biệt, trong bối cảnh tỉnh Nam Định đang tập trung triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Với sự đồng hành từ chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức hỗ trợ, Nam Định tiếp tục trở thành điểm sáng khởi nghiệp trong khu vực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững./.

TĂNG CƯỜNG, ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG ĐO LƯỜNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

✍ NGỌC ÁNH
Báo Nam Định



Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp về thực thi quy định đo lường, chất lượng vàng trang sức mỹ nghệ

Thời gian qua, tỉnh Nam Định triển khai quyết liệt và hiệu quả Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định số 996/2018/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ Tướng Chính phủ (Đề án 996). Qua đó đã và đang góp phần đổi mới hoạt động đo lường; tạo chuyển biến tích cực trong hoạt động sản xuất, kinh

doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trên địa bàn.

Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã chủ động tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 16/7/2019 về việc triển khai thực hiện Đề án 996. Cùng với đó, Sở KH&CN cũng xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể để hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn trong việc thực hiện các yêu cầu đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Mặc

dù gặp nhiều khó khăn, nhất là trong việc thuyết phục doanh nghiệp tham gia các hoạt động đo lường, tuy nhiên sự nỗ lực của các cơ quan chức năng đã góp phần làm tăng cường nhận thức và hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các chuẩn đo lường quốc gia. Với mục tiêu xây dựng hệ thống quản lý nhà nước về đo lường ngày càng chặt chẽ, Sở KH&CN đã ban hành 5 văn bản quản lý và hướng dẫn triển khai thực hiện các nhiệm vụ đo lường. Các văn bản này không chỉ giúp các cơ sở sản xuất, kinh doanh hiểu rõ hơn về pháp luật liên quan đến đo lường mà còn tạo cơ sở pháp lý vững chắc để thực hiện các hoạt động thanh tra, kiểm tra, đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Một trong những điểm sáng trong quá trình triển khai Đề án 996 tại tỉnh ta là sự chú trọng vào việc tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi, thúc đẩy xã hội hóa hoạt động đo lường. Trong quá trình triển khai các hoạt động quản lý Nhà nước, Sở KH&CN đã tổ chức khảo sát các tổ chức, doanh nghiệp để tiếp nhận các ý kiến phản hồi về những vướng mắc, bất cập về quy định quản lý đo lường. Từ đó, tổng hợp, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách, đồng thời hướng dẫn doanh nghiệp triển khai các biện pháp đo lường và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, Sở KH&CN đã trình UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ công “*Bảo quản, quản lý và sử dụng chuẩn đo lường năm 2024*” đối với Trung tâm Ứng dụng, dịch vụ KH&CN nhằm đảm bảo các chuẩn đo lường của địa phương luôn trong tình trạng sẵn sàng phục vụ công tác quản lý

Nhà nước và nhu cầu của xã hội.

Những năm qua, tỉnh đã chú trọng phát triển hạ tầng đo lường đáp ứng yêu cầu của địa phương. Tại Trung tâm Ứng dụng, dịch vụ KH&CN đã đầu tư mở rộng trang bị thêm chuẩn đo lường dung tích phục vụ công tác kiểm tra, giám sát trong kinh doanh xăng dầu; sắp xếp, bố trí thêm cơ sở hạ tầng lưu giữ, bảo quản các chuẩn chính đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Năm 2024, tỉnh đã phát triển thêm 1 tổ chức hoạt động kiểm định hiệu chuẩn thử nghiệm trong lĩnh vực đồng hồ nước lạnh (Công ty Cổ phần Nước sạch Nam Định). Hiện tỉnh có 3 tổ chức kiểm định được chỉ định trên địa bàn tỉnh gồm: Trung tâm thí nghiệm điện Nam Định, Trung tâm Ứng dụng, Dịch vụ KH&CN, Công ty Cổ phần Nước sạch Nam Định. Trong đó, Trung tâm thí nghiệm điện Nam Định đủ điều kiện và đã được cấp giấy chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO/IEC 17025. Năm 2024, cả ba đơn vị đã thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn cho 536.967 phương tiện đo. Kết quả 508.654 phương tiện đo đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường và 28.313 phương tiện đo không đạt cầu kỹ thuật đo lường.

Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm liên quan đến đo lường được tăng cường. Sở KH&CN đã phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện 13 cuộc thanh tra việc chấp hành Luật Đo lường tại 225 cơ sở và 24 cuộc kiểm tra Nhà nước về đo lường tại 320 cơ sở thuộc các lĩnh vực điện, nước, xăng dầu, vàng trang sức mỹ nghệ, phương tiện đo dùng trong y tế... Đã phát hiện, xử lý vi phạm hành chính về đo

lượng đối với 7 tổ chức, tổng số tiền phạt là 92,1 triệu đồng. Qua đó chấn chỉnh hoạt động đo lường đối với các hàng hóa thiết yếu trên địa bàn. Bên cạnh công tác thanh tra, Sở KH&CN cũng chú trọng đến công tác tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng chương trình đảm bảo đo lường. Các hội thảo, lớp tập huấn về đo lường đã được tổ chức thường xuyên, giúp doanh nghiệp hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của đo lường trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo nên sự đồng thuận trong cộng đồng doanh nghiệp và xã hội.

Có thể nói, hoạt động quản lý Nhà nước về đo lường trên địa bàn tỉnh được tăng cường đã mang lại hiệu quả thiết thực, nhất là đối với phương tiện đo, thiết bị đo lường, các sản phẩm hàng hóa thiết yếu và quan trọng (điện, nước, xăng dầu, vàng trang sức mỹ nghệ...). Qua đó giúp các doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Tuy nhiên, hoạt động đo lường tại tỉnh ta vẫn còn nhiều khó khăn cần khắc phục. Một trong những vấn đề lớn nhất là việc nhiều doanh nghiệp chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của đo lường trong việc cải thiện chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, việc đầu tư cho hoạt động đổi mới đo lường, thay thế thiết bị đo và đào tạo nhân lực yêu cầu một khoản chi phí lớn, điều này khiến cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp khó khăn trong việc áp dụng.

Thời gian tới, Sở KH&CN tiếp tục vận động, hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng kế hoạch triển khai chương trình đảm bảo đo lường tại doanh nghiệp theo Quyết định

số 510/QĐ-BKHCN. Hướng dẫn các tổ chức hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm lĩnh vực y tế, xây dựng, giao thông, môi trường, KHCN... trên địa bàn tỉnh triển khai áp dụng bộ tiêu chí đánh giá năng lực đo lường theo TCVN 1318:2020. Phối hợp với Viện Đo lường, Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng I xây dựng chương trình giới thiệu năng lực kiểm định, hiệu chuẩn thử nghiệm tới doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và xây dựng cơ chế liên kết với tổ chức kỹ thuật, cơ quan quản lý tại địa phương trong hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chương trình đảm bảo đo lường cho từng lĩnh vực. Tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra đo lường đối với các lĩnh vực sử dụng nhiều phương tiện đo như điện, nước, xăng dầu, vàng trang sức mỹ nghệ, dược phẩm... và các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về đảm bảo đo lường tại doanh nghiệp nhằm góp phần nâng cao hạ tầng chất lượng của tỉnh. Đưa hoạt động so sánh liên phòng vào các tổ chức kiểm định hiệu chuẩn thử nghiệm trên địa bàn tỉnh để nâng cao chất lượng các dịch vụ thử nghiệm, xét nghiệm trong lĩnh vực y tế, xây dựng, môi trường. Đào tạo chuyên sâu nguồn nhân lực về đo lường để đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình đảm bảo đo lường tại doanh nghiệp cho các lĩnh vực điện, nước, xăng dầu, dược phẩm và hoạt động đo lường, thử nghiệm. Đầu tư nâng cao hạ tầng chuẩn đo lường tại Trung tâm Ứng dụng, dịch vụ KH&CN nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước và phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp./.

KHẢO SÁT, ĐO ĐẠC VÀ ĐÁNH GIÁ PHÒNG PHÒNG XẠ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2018-2024

✍️ **KS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN**
Phòng QL Chuyên ngành

Tóm tắt:

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định đã triển khai thực hiện nhiệm vụ “Khảo sát, đo đạc và xây dựng bản đồ phòng phóng xạ môi trường trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2018-2024” phục vụ công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân và công tác đánh giá tác động của sự cố đến môi trường và sức khỏe cộng đồng với các nội dung như sau: Đo suất liều gamma trong không khí; Đo hoạt động của các nhân phóng xạ phát gamma trong mẫu đất; Đo tổng hoạt độ alpha, beta trong mẫu nước; Cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quản lý an toàn bức xạ trên địa bàn tỉnh Nam Định và xây dựng bản đồ phòng phóng xạ môi trường trên địa bàn tỉnh bằng phần mềm QGIS (phần mềm mã nguồn mở).

I. SƠ LƯỢC TỈNH NAM ĐỊNH

Nam Định là một tỉnh nằm ở phía Nam đồng bằng sông Hồng có tọa độ địa lý từ 19°54' đến 20°40' vĩ độ Bắc và từ 105°55' đến 106°45' kinh độ Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Thái Bình; Phía Nam giáp tỉnh Ninh Bình; Phía Tây và Tây Bắc giáp tỉnh Hà Nam; Phía Đông giáp

vịnh Bắc Bộ.

Địa hình: Nam Định có diện tích đất tự nhiên 1.669 km² với dân số khoảng 1,892 triệu người. Địa hình tương đối bằng phẳng có 2 vùng chính là vùng đồng bằng thấp trũng và vùng đồng bằng ven biển, ở phía Tây Bắc tỉnh có một số ít đồi núi thấp. Địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam, chỗ cao nhất từ đỉnh núi Gôi cao 122m, chỗ thấp nhất -3m (so với mặt biển) ở vùng đồng bằng trũng huyện Ý Yên. Vùng ven biển có bờ biển dài 72km, địa hình khá bằng phẳng. Nam Định có 3 sông lớn là sông Hồng, sông Đáy, sông Ninh Cơ. Ngoài ra có sông Đào nối liền sông Hồng và sông Đáy cùng với nhiều sông nhỏ khác giúp cho giao thông đường thủy thuận lợi và bồi đắp phù sa, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Tài nguyên khoáng sản: Về Khoáng sản nhiên liệu: Than nâu ở Giao Thủy, được phát hiện dưới dạng mỏ nhỏ, nằm sâu dưới lòng đất. Dầu mỏ và khí đốt còn tiềm ẩn ở vùng biển Bắc Bộ. Với Khoáng sản ở thể rắn: Sét làm gạch ngói (trữ lượng toàn tỉnh khoảng 25 - 30 triệu tấn); Sét làm gốm sứ (trữ lượng không

hiều, chất lượng khá); Fenspat: Có ở núi Phương Nhi, núi Gôi, có thể khai thác làm phụ gia sản xuất gốm sứ; Cát xây dựng: Trữ lượng không ổn định, hàng năm được bồi lắng tự nhiên, khai thác khoảng 300.000-500.000 m³/năm. Ngoài ra còn có mỏ cát nhỏ ở Quất Lâm (Giao Thủy), dài khoảng 25 km, rộng 50 - 200m, dày 2,5 - 3m; Khoáng sản kim loại: Có các vành phân tán inmenit, zincon, monazit, phân bố dưới dạng “vết”, trữ lượng ít. Khoáng sản ở thể lỏng: Nước khoáng phát hiện tại núi Gôi (Vụ Bản), Hải Sơn (Hải Hậu), có chất lượng khá.

Tỉnh Nam Định có tiềm năng, lợi thế rất lớn chưa được khai thác hết cho đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là: Lợi thế về nguồn nhân lực trẻ, dồi dào, được đào tạo cơ bản, có chất

lượng cao. Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông mới được đầu tư khá đồng bộ, giúp rút ngắn khoảng cách và thời gian đi đến thủ đô Hà Nội cũng như cảng biển cửa ngõ quốc tế Hải Phòng chỉ còn khoảng 1 giờ đồng hồ. Hạ tầng điện lực có công suất nằm trong Top dẫn đầu cả nước, luôn sẵn sàng đáp ứng tốt cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Vùng kinh tế biển của tỉnh rất giàu tiềm năng về phát triển công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ và hạ tầng đô thị. Tỉnh luôn đảm bảo an ninh, an toàn cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ AN TOÀN

Công tác quan trắc phóng xạ môi trường được phân bố lưới đồng đều trên toàn bộ địa bàn 09 huyện, 01 thành phố

Bảng 1. Tổng hợp phép đo suất liều, số mẫu phân bố theo diện tích của các huyện/ thành phố trên địa bàn tỉnh Nam Định

	Các huyện/Thành phố	Diện tích (Km ²)	Suất liều γ	Mẫu đất	Mẫu nước mặt
1	Thành phố Nam Định	46,4	27	2	2
2	Huyện Hải Hậu	230,22	113	5	2
3	Huyện Ý Yên	241	111	5	3
4	Huyện Nam Trực	163,9	80	4	2
5	Huyện Nghĩa Hưng	250,47	118	5	3
6	Huyện Trực Ninh	143,95	68	4	2
7	Huyện Giao Thủy	232,1	112	5	3
8	Huyện Xuân Trường	112,8	54	3	1
9	Huyện Vụ Bản	152,81	73	4	2
10	Huyện Mỹ Lộc (TP. Nam Định)	72,7	34	2	1
Tổng số điểm đo			790	39	21

thuộc tỉnh Nam Định (Từ 01/09/2024, huyện Mỹ Lộc được sát nhập vào thành phố Nam Định) cụ thể số lượng điểm đo như trong bảng 1:

- Mật độ điểm đo được lấy theo tỉ lệ 1,5 km x 1,5 km để xây dựng bộ bản đồ môi trường điểm đo gamma; trường phóng xạ tự nhiên tỉ lệ 1:150.000; vị trí lấy mẫu đất tương ứng xấp xỉ 1/20 giá trị điểm đo gamma.

- Vị trí lấy mẫu nước mặt tương ứng xấp xỉ 1/40 giá trị điểm đo gamma.

Từ các thiết bị, phương pháp và kỹ thuật tiên tiến hiện đại được thực hiện trong quá trình đo suất liều gamma trong không khí, đo hoạt độ của các nhân phóng xạ phát gamma trong mẫu đất và đo tổng hoạt độ alpha, beta trong mẫu

nước. Kết quả đánh giá thu nhận được sau quá trình khảo sát, đo đạc như sau:

1. Đánh giá kết quả đo suất liều gamma trong không khí

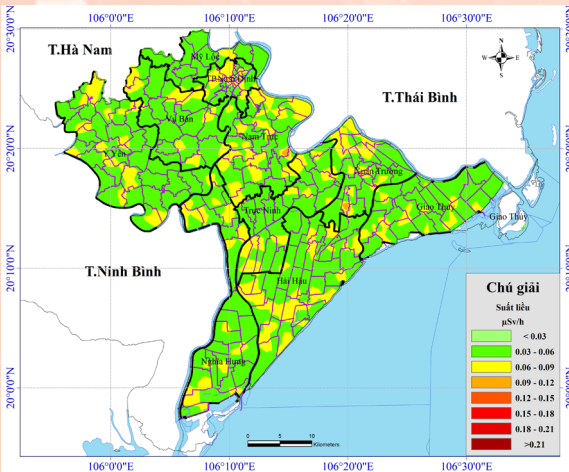
Qua kết quả đo suất liều gamma hiện trường ở độ cao 1m trên toàn tỉnh với số điểm đo thực tế là 790, vượt 58 điểm đo so với kế hoạch. Mức suất liều gamma trong không khí tại các khu vực tự nhiên là khá đồng đều trên toàn tỉnh và không phát hiện thấy có dị thường phóng xạ. Mức suất liều gamma tại các khu vực tự nhiên của tỉnh là tương đương với mức suất liều gamma trung bình của Việt Nam và là tương đương với mức suất liều gamma trung bình của các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Ninh Bình, Hưng Yên và Thái Bình.

Bảng 2: Tổng hợp kết quả đo suất liều gamma của các khu vực tự nhiên (theo phân bố diện tích, dân số) trên địa bàn tỉnh Nam Định

Đơn vị: $\mu\text{Sv/h}$

STT	Đơn vị hành chính	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Suất liều trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Thành phố Nam Định	0,040	0,080	0,060	0,010
2	Giao Thủy	0,030	0,080	0,052	0,010
3	Hải Hậu	0,033	0,083	0,056	0,010
4	Mỹ Lộc (TP.NĐ)	0,030	0,063	0,050	0,007
5	Nam Trực	0,033	0,093	0,057	0,011
6	Nghĩa Hưng	0,037	0,077	0,054	0,009
7	Trực Ninh	0,037	0,080	0,055	0,009
8	Xuân Trường	0,033	0,093	0,057	0,011
9	Vụ Bản	0,030	0,083	0,053	0,010
10	Ý Yên	0,037	0,077	0,054	0,008
11	Toàn tỉnh	0,030	0,093	0,055	0,010

Phân bố kết quả suất liều gamma trên toàn tỉnh được biểu diễn bằng QGIS.

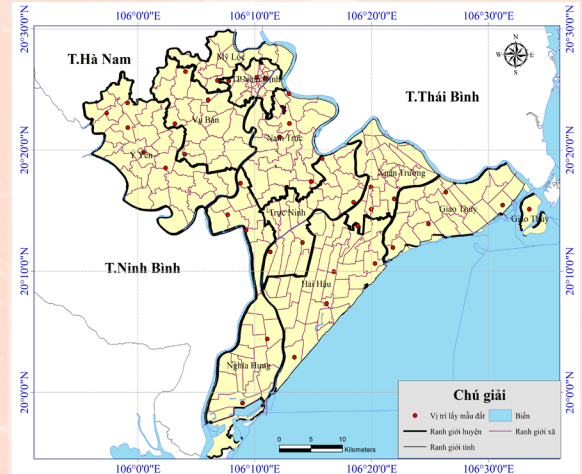


2. Đánh giá kết quả hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong mẫu đất

Việc lấy các mẫu đất theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7538-1:2006 (ISO 10381-1:2002) và Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7538-2:2005 (ISO 10381-2:2002). Hàm lượng các đồng vị phóng xạ trong 39 mẫu đất vượt 1 mẫu so với dự kiến. Mẫu lấy thêm thuộc thành phố Nam Định do đây là thành phố lớn, có mật độ dân cư đông đúc. Kết quả: không phát hiện thấy có dị thường phóng xạ trên địa bàn tỉnh Nam Định. Giá trị hàm lượng các đồng vị phóng xạ tại các khu vực tự nhiên của tỉnh Nam Định là tương đương với các hàm lượng đồng vị trung bình

của Việt Nam và phù hợp với các nghiên cứu, các kết quả công bố tại Việt Nam và trên thế giới. Có tính tương quan cao giữa hàm lượng các đồng vị phóng xạ.

Bản đồ chi tiết vị trí các mẫu đất được lấy trên địa bàn tỉnh Nam Định.



3. Đánh giá kết quả tổng hoạt độ phóng xạ Alpha, Beta trong mẫu nước

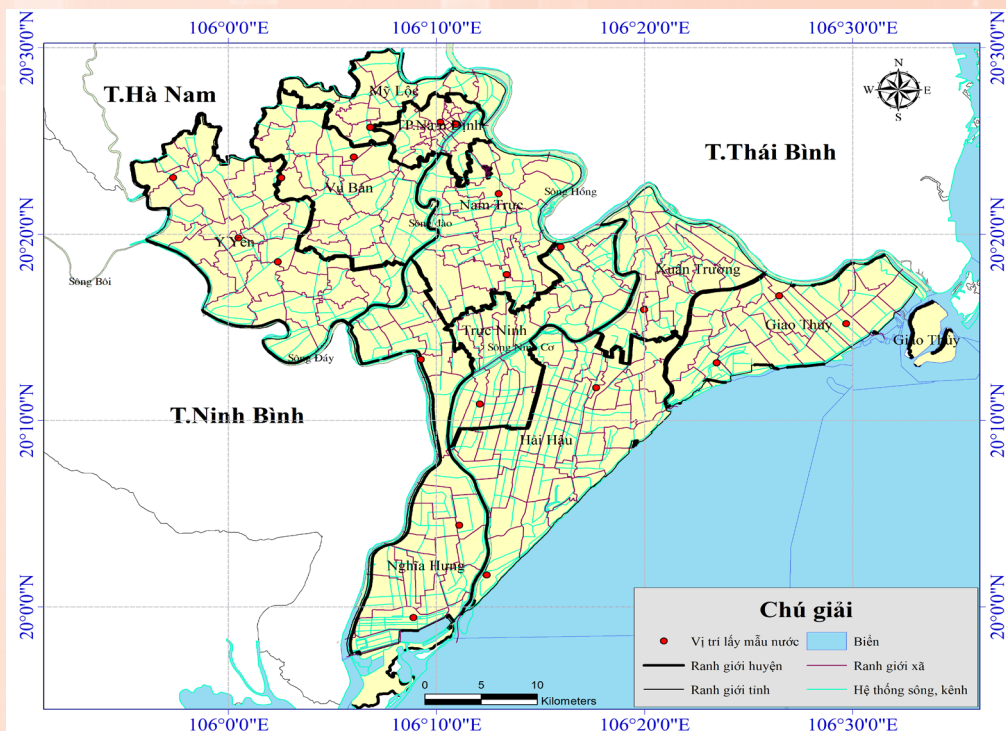
Việc lấy mẫu nước được tuân thủ theo Tiêu chuẩn Việt Nam Quy trình bảo quản mẫu theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 6663-3 (ISO 5667-3). Qua các kết quả phân tích tổng hoạt độ phóng xạ Alpha, Beta với tổng số lượng 21 mẫu nước, nhiều hơn dự toán 1 mẫu và kết quả cho thấy không có dị thường phóng xạ trong các mẫu nước trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Bảng 3: Đánh giá tổng hoạt độ phóng xạ Alpha, Beta trong mẫu nước

Đơn vị: Bq/L

	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	Tổng hoạt độ phóng xạ beta
Giá trị nhỏ nhất	0.0149	0.0181
Giá trị lớn nhất	0.0238	0.2153
Trung bình	0.0193	0.1021
Độ lệch chuẩn	0.0035	0.0825

Bản đồ chi tiết vị trí các mẫu nước được lấy trên địa bàn tỉnh Nam Định.



III. KẾT LUẬN

Việc khảo sát, đo đạc và đánh giá phong phóng xạ môi trường trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2018-2024 đã được thực hiện một cách hệ thống, cung cấp những dữ liệu quan trọng về hiện trạng phóng xạ môi trường của tỉnh. Kết quả đo đạc, khảo sát khẳng định rằng phong phóng xạ môi trường trên địa bàn tỉnh vẫn duy trì ở mức an toàn, không gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe con người và hệ sinh thái.

Trong những năm tiếp theo, để có được đánh giá chính xác mức độ ảnh hưởng của phong phóng xạ môi trường đến sức khỏe của người dân, Sở Khoa học và Công nghệ Nam Định tham mưu UBND tỉnh triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

(1) Xây dựng cơ sở dữ liệu toàn diện

về phóng xạ môi trường, trong đó có các dữ liệu phóng xạ trong vật liệu xây dựng, dữ liệu phóng xạ trong các đối tượng lương thực, thực phẩm, đất, nước, nồng độ khí phóng xạ radon ở bên trong và bên ngoài nhà ở.

(2) Với tốc độ phát triển đô thị hóa nhanh, việc bổ sung cơ sở dữ liệu về phóng xạ trong vật liệu xây dựng cũng là điều quan trọng nhằm đánh giá tác động của yếu tố phóng xạ môi trường đến sức khỏe người dân.

(3) Xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tiềm tàng cấp tỉnh trong trường hợp sự cố liên quan đến nguồn bức xạ trên địa bàn tỉnh.

(4) Tăng cường năng lực trang thiết bị về ứng phó sự cố phóng xạ cũng như quan trắc phóng xạ môi trường./.

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH TẠI NAM ĐỊNH GÓP PHẦN THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI BỀN VỮNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

✍ TS. TRẦN THỊ HẢI YẾN

Học viện Hành chính và Quản trị công

Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (tên viết tắt tiếng Anh là PAPI) là công cụ đánh giá hiệu quả công tác điều hành, thực thi chính sách, cung ứng dịch vụ công của các cấp chính quyền dựa trên đánh giá và trải nghiệm của người dân. Các chỉ số PAPI nhằm đo lường và so sánh trải nghiệm, cảm nhận của người dân về hiệu quả và chất lượng thực thi chính sách, cung cấp dịch vụ công của chính quyền địa phương ở tỉnh nhằm thúc đẩy xây dựng quản trị hiệu quả và chủ động đáp ứng nhu cầu của người dân.

Bộ chỉ số PAPI gồm 29 chỉ số nội dung thành phần, hơn 120 chỉ số cụ thể trên 8 lĩnh vực: (1) Tham gia của người dân ở cơ sở; (2) Công khai, minh bạch trong ra quyết định; (3) Trách nhiệm giải trình với người dân; (4) Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; (5) Thủ tục hành chính công; (6) Cung ứng dịch vụ công; (7) Quản trị môi trường (từ 2018); (8) Quản trị điện tử (từ 2018).

Trong những năm qua thực hiện sự chỉ đạo sát sao của các cơ quan Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân

tỉnh... Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã coi công tác cải cách hành chính là một trong ba khâu đột phá tạo động lực thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực hiện Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị số 34/CT-UBND ngày 07/10/2021 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2030... là một trong những biện pháp then chốt, quyết liệt để thực hiện nâng cao chất lượng quản trị và hành chính công tại tỉnh Nam Định. Tỉnh Nam Định đã có nhiều sáng kiến hay, cách làm mới trong hoạt động của chính quyền địa phương. Theo báo cáo xếp hạng chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), điểm tổng hợp PAPI năm 2023 của tỉnh Nam Định đạt 43,17 điểm, xếp thứ 23/61 tỉnh, nằm trong nhóm trung bình cao của cả nước.

Trong bối cảnh chuyển đổi, bên cạnh những mặt tích cực của quản trị địa



*Hội nghị nghiệm thu cấp cơ sở đề tài
“Giải pháp nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tại tỉnh Nam Định”*

phương như: bộ máy nhà nước được tinh gọn, thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong quản trị địa phương... thì vẫn còn một số điểm nghẽn về mặt thể chế cũng như một bộ phận người dân chưa hài lòng với hiệu quả quản trị địa phương và việc thực thi các chính sách về cung ứng dịch vụ công, quản trị môi trường, quản trị điện tử... còn nhiều nút thắt cần tháo gỡ. Do đó, nhóm tác giả đã nghiên cứu thực hiện đề tài: “Giải pháp nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tại tỉnh Nam Định” hướng tới giải quyết những mong muốn góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tại Nam Định.

Kết quả đánh giá chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh Nam Định giai đoạn 2018-2023.

Ưu điểm:

Thứ nhất, từ năm 2018 -2023 Nam Định đang ở nhóm trung bình cao trong bảng xếp hạng chỉ số PAPI qua các năm.

Nam Định có nhiều tiềm năng, lợi thế vượt trội như nguồn nhân lực trẻ, dồi dào,

được đào tạo bài bản, có chất lượng cao... Năm 2023, Nam Định là đơn vị hành chính Việt Nam đứng thứ 13 về số dân, xếp thứ 33 về GRDP, xếp thứ 31 về GRDP bình quân đầu người, đứng thứ 9 về tốc độ tăng trưởng GRDP, với 1.876.854 người dân (thống kê theo sách “Dân số các tỉnh Việt Nam” năm 2022). Có nhiều chỉ số đo lường hiệu quả quản trị địa phương, mỗi chỉ số có những thang đo, cách đo khác nhau, tuy nhiên, có một số chỉ số PCI, SIPAS, PAR INDEX có tính tương đồng, xếp trong nhóm trung bình thấp hoặc thấp, tuy nhiên chỉ có Chỉ số PAPI có điểm khác biệt nằm trong nhóm trung bình cao. Do đó, so với các chỉ số khác thì chỉ số PAPI của Nam Định có điểm nhỉnh hơn các chỉ số khác về thước đo quản trị địa phương trong thời gian qua.

Thứ hai, các chỉ số nội dung có khuynh hướng điểm cao.

Chỉ số “cung ứng dịch vụ công” nằm trong nhóm 03 chỉ số có điểm cao nhất trong tổng thể các chỉ số PAPI của tỉnh Nam Định, 02 chỉ số còn lại trong nhóm

này là: thủ tục hành chính công và kiểm soát tham nhũng trong khu vực công, điểm trung bình trong khoảng cận 7 - cận 8. Chỉ số “thủ tục hành chính công” nằm trong nhóm 03 chỉ số có điểm cao nhất trong tổng thể các chỉ số PAPI của tỉnh Nam Định, điểm trung bình trong khoảng cận 7 - cận 8. Chỉ số nội dung “kiểm soát tham nhũng trong khu vực công” đã giúp tỉnh Nam Định xác định được một số lĩnh vực, ngành nghề có nguy cơ tham nhũng cao như đầu tư công, xây dựng, đất đai.

Thứ ba, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Nam Định luôn quan tâm đến nâng cao hiệu quả cải cách hành chính và chỉ số PAPI.

Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh về kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 18/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến và thu hút đầu tư giai đoạn 2021-2025... Các cơ quan nhà nước của tỉnh thường xuyên cập nhật các định hướng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, các thông tin về tiềm năng, thế mạnh, định hướng.

Hạn chế:

Thứ nhất, chỉ số PAPI của Nam Định từ năm 2018 – 2023 việc tăng, giảm không ổn định qua các năm. Từ số liệu so sánh với những năm trước đó cho thấy chỉ số PAPI của tỉnh luôn ở mức trung bình cao chưa bao giờ đạt mức cao nhất trong cả

nước. Diễn hình một số địa phương như Thanh Hóa, Thừa Thiên - Huế, Hà Nội - dưới góc nhìn của người dân đánh giá hiệu quả hoạt động của chính quyền, các tỉnh đã dám nhìn thẳng vào các tiêu chí thành phần để đánh giá mặt tích cực và hạn chế của từng chỉ số để đưa ra các giải pháp trước mắt và lâu dài cho địa phương nâng cao chỉ số PAPI và các chỉ số khác như PCI, PAR INDEX, SIPAS.. trong bối cảnh chuyển đổi. Nam Định có nhiều điều kiện về mặt kinh tế-văn hóa-chính trị xã hội nổi bật hơn các địa phương khác trong vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước, tuy nhiên, hiện nay tỉnh Nam Định vẫn chưa có những bước phá để phát triển bền vững gắn với những tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

Thứ hai, các chỉ số nội dung của chỉ số PAPI của Nam Định có khuynh hướng điểm thấp như trách nhiệm giải trình với người dân; quản trị môi trường; quản trị điện tử.

Thứ ba, Chưa thực sự phản ánh đầy đủ mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp, thiếu tính liên tục và thống nhất, ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế. Khảo sát PAPI nói chung và khảo sát PAPI tại tỉnh Nam Định chỉ thực hiện trên phạm vi hẹp, chưa đại diện đầy đủ cho tất cả các tầng lớp nhân dân. Khảo sát PAPI nói chung và khảo sát PAPI tại tỉnh Nam Định chỉ từ khảo sát người dân, có thể dẫn đến sai lệch do tính chủ quan và thiếu chính xác của dữ liệu.

Một số giải pháp nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh Nam Định

Thứ nhất, tăng cường phổ biến, quán triệt nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân. Kết quả khảo sát trong phạm vi nghiên cứu đề tài đã cho thấy tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức biết rõ về chỉ số PAPI chỉ chiếm 22%, tỷ lệ biết ít chiếm đa số lên tới 61%, còn lại là không biết, không hiểu. Việc cải thiện Chỉ số PAPI vừa có đặc điểm chung giống với các đối tượng khác trong xã hội vừa có đặc điểm đặc thù gắn với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Cần nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người dân về chỉ số PAPI, đặc biệt là nhấn mạnh vai trò của người đứng đầu cơ quan nhà nước.

Thứ hai, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Trong chương trình, kế hoạch về thông tin, tuyên truyền công tác cải cách hành chính hàng năm của tỉnh trên báo chí, phát thanh truyền hình, trang Thông tin điện tử và trên hệ thống truyền thanh cơ sở đều rất quan tâm đến tuyên truyền về tình hình triển khai và kết quả các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PCI, PAPI; ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh, dịch vụ công trực tuyến, việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; đưa tin, bài, phóng sự, chuyên mục phản ánh về kết quả triển khai thực hiện để người dân, tổ chức biết và giám sát.

Thứ ba, Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chỉ số nội dung thành phần của PAPI. Thực hiện nghiêm và đầy đủ quy định về công khai, minh

bạch trong quy hoạch phát triển KT-XH; dự án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thu... Thực hiện cải cách đồng bộ, hiệu quả các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, TC, DN; rà soát, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong việc thực hiện chỉ số PAPI giữa Sở Nội vụ với các sở có liên quan như Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế,... của địa phương nhằm nâng cao chỉ số PAPI, đặc biệt tăng cường phối hợp giữa Sở Nội vụ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh nhằm rà soát, theo dõi, phân tích các chỉ số thành phần. Bên cạnh đó, cần ràng buộc trách nhiệm các cơ quan hữu quan trong quản lý nhà nước về các điểm chỉ số thành phần điểm thấp của chỉ số PAPI.

Trong tiến trình đổi mới, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư ở tỉnh trong những năm gần đây, Nam Định đã ghi nhận những tiến bộ, luôn đạt các chỉ số trên ở mức cao so với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác. Để Nam Định có thể tiếp tục phấn đấu vươn lên đạt những thành tựu mới, vào diện các tỉnh, thành phố có mức cao nhất trong cả nước, việc nghiên cứu, tìm kiếm các giải pháp phù hợp là hết sức cần thiết. Cần thực hiện đồng bộ, có hiệu quả góp phần nâng cao Chỉ số PAPI - đây là dữ liệu thực chứng nghiên cứu, phát hiện, tìm tòi chính sách nhằm bảo đảm sự cạnh tranh lành mạnh và phát triển bền vững của quản trị quốc gia và quản trị địa phương của tỉnh Nam Định./.

HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KỸ THUẬT ƯƠM, SẢN XUẤT GIỐNG, XÂY DỰNG THỬ NGHIỆM MÔ HÌNH TRỒNG HỖN GIAO CÂY BÀN KHÔNG CÁNH (SONNERATIA APETALA) TẠI BÃI BỒI VEN BIỂN TỈNH NAM ĐỊNH

KS. NGÔ VĂN CHIỀU

*Phó TP Bảo tồn Tài nguyên và Môi trường
(Vườn quốc gia Xuân Thủy)*

Bàn không cánh (*Sonneratia apetala*) là loài cây thân gỗ cao 10 - 15 m, cây có ưu thế về sinh khối, sinh thái, có độ rộng muối cao, biên độ sinh thái rộng và thích ứng tốt với biến đổi khí hậu. Đây là loài cây tiên phong ở các vùng đất ngập nước cửa sông ven biển, cây sinh trưởng nhanh và chịu được nhiệt độ thấp, đặc biệt là không bị rụng lá, chết cành khi có rét đậm, rét hại nên có thể đáp ứng tốt nhiều mục tiêu cho việc bảo tồn và phát triển dải rừng ngập mặn ven biển tỉnh Nam Định.

Thực tế hiện nay cho thấy rừng ngập mặn khu vực ven biển của tỉnh Nam Định có nhiều xáo trộn theo chiều hướng tiêu cực như suy giảm chức năng và chất lượng, không thích ứng hoặc thích ứng kém trước những tác động của biến đổi khí hậu, không đảm bảo yêu cầu bảo tồn đa dạng sinh học và phòng hộ ven biển. Nguyên nhân chủ yếu là do rừng ngập mặn tại khu vực được hình thành từ các loài cây có sinh khối nhỏ, tầng tán thấp, dễ bị chết hàng loạt khi gặp điều kiện thời tiết cực đoan hoặc triều cường và sóng

biển tác động. Điều này đặt ra một vấn đề là phải cải thiện tổ thành loài, nâng cao khả năng chống chịu của hệ sinh thái rừng ngập mặn bằng việc trồng các loài cây ngập mặn có ưu thế về sinh khối, sinh thái và thích ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu, đồng thời đáp ứng nhiều mục đích của dải rừng ngập mặn ven biển tỉnh Nam Định. Chính vì vậy, việc đề xuất và triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ “Hoàn thiện quy trình kỹ thuật ương, sản xuất giống, xây dựng thử nghiệm mô hình trồng hỗn giao cây Bàn không cánh tại bãi bồi ven biển tỉnh Nam Định” do Vườn quốc gia Xuân Thủy chủ trì thực hiện nhằm hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật ương giống và trồng cây Bàn không cánh và xây dựng mô hình sản xuất cây giống, mô hình trồng hỗn giao cây Bàn không cánh chắn sóng, ổn định bãi bồi phù hợp với điều kiện bãi bồi ven biển tỉnh Nam Định; đồng thời tạo cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái và tăng tính đa dạng sinh học cho hệ sinh thái rừng ngập mặn tại khu vực.

Thực tế kết quả nghiên cứu của dự án



Tổ chức sản xuất cây giống Bần không cánh và một số loài cây ngập mặn khác

cho thấy phương pháp ủ quả Bần không cánh bằng cách ngâm trong nước ngọt cho tỷ lệ nảy mầm cao nhất (đạt 76,00%). Hạt Bần không cánh ngâm trong nước có nhiệt độ từ 30 - 50°C để nguoì dần trong thời gian 8 giờ, rửa sạch, cho hạt vào túi vải ẩm đem ủ 3 - 5 ngày, rửa chua hàng ngày, kiểm tra thấy hạt nứt nanh đem gieo cho tỷ lệ nảy mầm, thời gian nảy mầm cao nhất (đạt > 70,00 %). Sau 210 ngày bảo quản, với 07 lần thực hiện thí nghiệm cho thấy hạt Bần không cánh bảo quản bằng cách cho vào túi vải ngâm trong nước ngọt và trong nước biển có độ mặn từ 10,0 - 20‰ cho tỉ lệ nảy mầm cao nhất và thời gian bảo quản từ 5 - 7 tháng. Đặc biệt, sau 46 tháng trồng thì yếu tố mật độ không ảnh hưởng tới tỷ lệ sống của cây Bần không cánh nhưng lại có ảnh hưởng rõ rệt tới sinh trưởng đường kính gốc, đường kính ngang ngực, chiều cao vút ngọn, đường kính tán và chất lượng

cây Bần không cánh. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu đã thực hiện và kế thừa các tài liệu nghiên cứu về cây Bần không cánh, dự án đã hoàn thiện “Hướng dẫn kỹ thuật ương giống cây Bần không cánh phù hợp với điều kiện bãi bồi tỉnh Nam Định” và “Hướng dẫn kỹ thuật trồng cây Bần không cánh phù hợp với điều kiện bãi bồi ven biển tỉnh Nam Định”. Các hướng dẫn kỹ thuật là căn cứ khoa học quan trọng để dự án tổ chức triển khai xây dựng các mô hình và chuyển giao, nhân rộng mô hình cho cộng đồng địa phương và các bên liên quan tại khu vực.

Dự án đã xây dựng 01 mô hình sản xuất cây Bần không cánh và một số loài cây ngập mặn khác có quy mô 0,8 ha, đồng thời tổ chức sản xuất được 22.000 cây giống Bần không cánh, 1.200 cây Trang và 1.200 cây Đước vôi để cung cấp cho mô hình trồng hỗn giao và các chương trình trồng, phục hồi rừng ngập

Bảng thông tin chất lượng cây giống: Bần không cánh, Trang, Đước vôi

TT	Loài cây	Tháng tuổi	Đường kính gốc (cm)	Chiều cao (cm)	Chất lượng
1	Bần không cánh	12	1,8	95,0	Tốt
2	Trang	12	0,9	57,5	Tốt
3	Đước vôi	12	1,1	46,1	Tốt



Theo dõi, chăm sóc mô hình trồng hỗn giao cây Bần không cánh

mặn tại khu vực. Cây giống do dự án sản xuất đều đạt 12 tháng tuổi, cây con sinh trưởng và phát triển tốt, không bị sâu bệnh; cây có các chỉ tiêu sinh trưởng về đường kính gốc và chiều cao đạt tiêu chuẩn so với mục tiêu đặt ra. Mô hình đã trở thành điểm thăm quan học hỏi, nơi truyền đạt những kinh nghiệm thực tế giữa cán bộ khoa học, cán bộ quản lý và cán bộ khuyến nông, khuyến lâm địa phương với người dân và giữa người dân với nhau. Đặc biệt, chi phí để tạo ra cây giống Bần không cánh 12 tháng tuổi của dự án chỉ khoảng 10.000 đồng/cây, trong khi đó giá thành để mua cây giống Bần không cánh hoặc cây Bần chua trên thị trường dao động từ 30.000 - 38.000 đồng/cây.

Bên cạnh đó, mô hình trồng hỗn giao cây Bần không cánh và cây Trang do dự án xây dựng sau 10 tháng trồng có tỷ lệ sống 89,05 %, cụ thể: cây Bần không cánh có đường kính gốc trung bình 3,3 cm, chiều cao trung bình 155,4 cm, đường kính tán trung bình 90,4 cm; cây Trang có đường kính gốc trung bình 1,4 cm và chiều cao trung bình 73,9 cm;

các cây trong mô hình đều sinh trưởng và phát triển tốt, cây khỏe mạnh, không bị sâu bệnh. Mô hình trồng hỗn giao cây Bần không cánh và cây Đước vôi có tỷ lệ sống 90,06 %, cụ thể: cây Bần không cánh có đường kính gốc trung bình 3,4 cm, chiều cao trung bình 156,1 cm; cây Đước vôi có đường kính gốc trung bình 1,8 cm và chiều cao trung bình 66,0 cm; các cây trong mô hình đều sinh trưởng và phát triển tốt, cây khỏe mạnh, không bị sâu bệnh.

Mô hình trồng hỗn giao cây Bần không cánh đã tạo ra một khoảng không gian thiên nhiên tươi đẹp với nhiều tầng tán để thu hút du khách đến tham quan và trải nghiệm, đồng thời góp phần bảo vệ đê biển, tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương. Phương thức trồng hỗn giao cây Bần không cánh với cây Trang và cây Đước vôi, đặc biệt là hỗn giao theo băng là một cách tiếp cận mới trong công tác trồng rừng hỗn giao tại khu vực. Điều này đã giúp cho các cây trong mô hình đều sinh trưởng và phát triển tốt, tỷ lệ sống đạt trên 85 %,

(Xem tiếp trang 28)

HỘI NGHỊ CÔNG BỐ CÁC QUYẾT ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC BỘ MÁY CÁN BỘ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Đồng chí Vũ Trọng Quế - Giám đốc Sở KH&CN phát biểu tại Hội nghị

Ngày 03/3/2025, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tổ chức Hội nghị công bố các quyết định về công tác tổ chức bộ máy cán bộ.

Thực hiện công tác sắp xếp, tinh gọn bộ máy, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh nhằm nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, từ ngày 01/3/2025, Sở KH&CN được thành lập trên cơ sở hợp nhất Sở Thông tin truyền thông và Sở KH&CN. Trong đó, chuyển chức năng,

nhiệm vụ tham mưu, giúp UBND tỉnh Nam Định quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản sang Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; chuyển nhiệm vụ tham mưu, giúp UBND tỉnh Nam Định quản lý nhà nước về an toàn, an ninh thông tin mạng sang Công an tỉnh. Hội nghị đã công bố Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 19/2/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở KH&CN tỉnh Nam Định. Cơ cấu tổ

chức của Sở KH&CN sau khi hợp nhất gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc và 9 phòng, đơn vị, cụ thể: Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Phòng Chuyển đổi số; Phòng Công nghệ và Bru chính viễn thông; Phòng Quản lý Khoa học; Phòng Quản lý Chuyên ngành; Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Trung tâm Ứng dụng, Dịch vụ KH&CN; Trung tâm Chuyển đổi số và Truyền thông.

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Vũ Trọng Quế - Giám đốc Sở KH&CN đề nghị toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cơ quan Sở KH&CN cùng nhau xây dựng một tập thể đoàn kết, kỷ cương, dân chủ, chủ động nghiên cứu những tiến bộ khoa học công nghệ, phát huy hơn nữa tinh thần đổi mới, sáng tạo, để ngành KH&CN phát triển mạnh mẽ, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển

kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2025 và các năm tiếp theo. Trong đó, đặc biệt nghiên cứu kỹ Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết 03/NQ-CP ngày 9/1/2025 của Chính phủ; Chương trình số 54-CTr/TU ngày 19/2/2025; Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 21/2/2025 của UBND tỉnh để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Hội nghị cũng công bố Quyết định nghỉ chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ và chuyển sang đơn vị mới đối với một số cán bộ, công chức, viên chức./.

Thanh Hải

HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KỸ THUẬT ƯƠM, SẢN XUẤT GIỐNG,...

(Tiếp theo trang 26)

đồng thời góp phần bổ sung thêm kiểu trạng thái rừng ngập mặn và tăng tính đa dạng sinh học, khả năng hấp thụ và lưu trữ carbon cho hệ sinh thái rừng ngập mặn tại khu vực.

Để duy trì, nhân rộng kết quả của dự án, Vườn quốc gia Xuân Thủy sẽ tiếp tục tổ chức sản xuất cây giống Bần không cánh và một số loài cây ngập mặn khác để cung cấp cho các chương

trình trồng, phục hồi rừng ngập mặn tại khu vực. Đơn vị cũng sẽ phối hợp với Trung tâm Khuyến nông trung ương và Trung tâm Khuyến nông của các tỉnh thành để tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn hoặc tổ chức các hội thảo tham quan trải nghiệm nhằm giới thiệu và nhân rộng mô hình ra các địa phương có điều kiện trồng rừng rừng tương tự Nam Định./.

HỘI THẢO CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ỨNG DỤNG AI GIÚP DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG



Các đại biểu tham dự Hội thảo

Thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, ngày 28/3/2025, Trung tâm Ứng dụng, Dịch vụ Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội thảo “Chiến lược chuyển đổi số và ứng dụng AI giúp doanh nghiệp tăng trưởng bền vững”.

Tham dự Hội thảo có: Đồng chí Vũ Trọng Quế - TUV, Giám đốc sở KH&CN; đồng chí Vũ Xuân Trung - Phó Giám đốc

sở KH&CN; đại diện các phòng, ban chuyên môn thuộc Sở KH&CN; Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; các hội doanh nghiệp tỉnh; CLB khởi nghiệp sáng tạo tỉnh; cùng các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Chuyển đổi số và áp dụng công nghệ AI đang trở thành xu thế tất yếu để doanh nghiệp duy trì tính cạnh tranh và phát triển bền vững. Những giải pháp công nghệ không chỉ giúp tối ưu hóa hiệu suất mà còn mở ra nhiều cơ hội mới cho doanh nghiệp trên thị trường quốc tế. Tuy nhiên, để chuyển đổi số thành công, doanh nghiệp cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, từ việc nâng cao năng lực nội

bộ, đảm bảo tính bảo mật cho đến việc tuân thủ các quy định pháp lý. Chỉ khi đó, chuyển đổi số mới thực sự trở thành động lực giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu phát triển bền vững và gia tăng giá trị lâu dài.

Phát biểu tại Hội thảo, đồng chí Vũ Trọng Quế - TUV, Giám đốc sở KH&CN cho biết trong bối cảnh thế giới đang thay đổi nhanh chóng nhờ sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, chuyển đổi số đã trở thành yếu tố then chốt để giúp doanh nghiệp tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Đặc biệt, trí tuệ nhân tạo (AI) đang mở ra những cơ hội vô cùng lớn, giúp các doanh nghiệp tối ưu hóa quy trình sản xuất, cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Đồng chí nhấn mạnh “muốn đất nước phát triển thì doanh nghiệp phải phát triển, muốn doanh nghiệp phát triển thì cần phải ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh”. Đồng chí Giám đốc sở cũng cam kết, Sở KH&CN sẽ tiếp tục đồng hành cùng các doanh nghiệp thông qua các chương trình hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ giúp các doanh nghiệp tiếp cận các công nghệ tiên tiến từ đó

nâng cao năng suất, chất lượng và sự cạnh tranh của sản phẩm.

Tại Hội thảo, các đại biểu được nghe chuyên gia chia sẻ về các chủ đề: Thực thi chiến lược chuyển đổi số cho doanh nghiệp”; Ứng dụng AI tăng hiệu suất kinh doanh cho doanh nghiệp” với các nội dung như: mục tiêu cốt lõi của doanh nghiệp trong chiến lược chuyển đổi số; nguyên nhân phổ biến chuyển đổi số thất bại; phương pháp luận thực thi chuyển đổi số; tổng quan về trí tuệ nhân tạo; ứng dụng Chat GPT trong hoạt động doanh nghiệp, vv...

Hội thảo “Chiến lược chuyển đổi số và ứng dụng AI giúp doanh nghiệp tăng trưởng bền vững” đã mang đến những góc nhìn sâu sắc về tầm quan trọng của chuyển đổi số trong thời đại công nghệ 4.0. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) không chỉ tối ưu hóa quy trình sản xuất, quản lý mà còn tạo ra giá trị bền vững cho doanh nghiệp trong bối cảnh ngày nay./.

Thanh Hải



Quang cảnh Hội thảo

QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TÀI CHÍNH



TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH

Ngày 06/7/2022, HĐND tỉnh Nam Định ban hành Nghị quyết số 77/2022/NQ-HĐND về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Theo đó, đối tượng áp dụng là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Để được hỗ trợ, các tổ chức, cá nhân phải đáp ứng các yêu cầu sau: Các tổ

chức/cá nhân phải đang hoạt động sản xuất, kinh doanh và tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của nhà nước; không nằm trong các chương trình, dự án, kế hoạch khác và đang được ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với các nội dung được hỗ trợ quy định tại Quy định này.

Nghị quyết quy định nội dung và mức hỗ trợ cho các công tác về: Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn; quy chuẩn kỹ thuật; hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; công cụ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; đảm bảo chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Hỗ trợ các hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ; Hỗ trợ tham gia Giải thưởng Chất lượng quốc gia, Giải thưởng Chất lượng quốc tế, các giải thưởng khoa học và công nghệ, các giải thưởng bình chọn về chất lượng và thương hiệu, các hội chợ triển lãm liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ; Hỗ trợ đổi mới, tiếp nhận chuyển giao công nghệ; Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Trong đó, nội dung và mức hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo như sau: Đối với hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sự kiện ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

Đối với hỗ trợ tổ chức sự kiện ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định: Kinh phí thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức sự kiện; chi tiếp các đoàn khách mời; tổ chức hội nghị, hội thảo trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 45/2019/TT-BTC, Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 và Nghị quyết số 56/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019.

Tổ chức Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới

sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định: Chi giải thưởng cho các tổ chức, cá nhân đạt giải tại cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp tỉnh tổ chức: Giải nhất: 40 triệu đồng/giải; Giải nhì: 32 triệu đồng/giải; Giải ba: 24 triệu đồng/giải; Giải khuyến khích: 08 triệu đồng/giải.

Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp; Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ; Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định về việc ban hành định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Nam Định có sử dụng ngân sách nhà nước. Thời gian hỗ trợ: Tối đa không quá 01 năm/doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Tối đa không quá 10 doanh nghiệp/năm.

Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gồm: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ): Mức kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 80.000.000 đồng/doanh nghiệp./.

Kim Quý (TH)